

Bản án số: 73/2024/DS-PT

Ngày 04-3-2024

V/v “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng
đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Nơi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 626/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2023/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 76/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 11/2024/QĐ-PT ngày 24/01/2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 306/2024/QĐ-PT ngày 16/02/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Ông Lê Văn N, sinh năm 1967; (có mặt).

+ Bà Đoàn Thị Bé T, sinh năm 1975; (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Số C, Tổ B, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1975, Cư trú tại: Tổ A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà T1: Ông Luật sư

Trần Tiến V, Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh A; (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Cao Văn H, sinh năm 1973; (vắng mặt, ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T1 vợ ông H).

+ Anh Cao Văn Đ, sinh ngày 11/6/2008; (vắng mặt).

+ Anh Cao Văn N1, sinh ngày 09/8/2000; (có mặt).

Cùng cư trú tại: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

+ Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số H, đường N, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị T1 là bị đơn, ông Cao Văn H và anh Cao Văn N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải ông Lê Văn N và bà Đoàn Thị Bé T cùng trình bày:*

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc do cha mẹ ông Lê Văn N là ông Lê Hoàng D và bà Nguyễn Thị T2 phân chia lại cho các anh em ông, phần đất tranh chấp ông đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/10/2003, lúc kê khai đất có các cơ quan chuyên môn xuống hiện trạng đất đo đạc, thời điểm kê khai thì căn nhà tạm của bà T1 chưa lấn sang ranh đất của ông mà nằm gần đường tỉnh lộ 946. Khoảng năm 2006 do làm lại đường lộ nên bà T1 di dời căn nhà tạm (kết cấu bằng cây tạp, nhà sàn, mái tôn, vách tôn) lấn sang phần đất của ông ngang khoảng 0,5m nhưng thời điểm đó gia đình ông đi làm ăn xa không có ai ở nhà nên không biết, khoảng 01 tháng sau ông trở về nhà thì biết được sự việc trên, lúc đó vợ chồng ông H, bà T1 có sang nhà nói chuyện với ông xin được mua lại phần diện tích lấn sang đất ông ngang khoảng 0,5m, dài khoảng 10m, có diện tích khoảng 5m² nhưng ông không đồng ý do ông phải chừa đường cho anh ruột là ông Lê Văn N2 làm đường đi ra đường tỉnh lộ 946 nên ông chỉ cho xây tạm chứ không đồng ý cho xây kiên cố thì vợ chồng ông H, bà T1 đồng ý.

Năm 2017, cả gia đình ông, bà đi làm thuê ở tại Bình Dương chỉ đến Tết mới về nhà vài ngày, đến Tết năm 2020 (tháng 12/2020) gia đình trở về nhà tại địa phương thì phát hiện ông H, bà T1 tự ý xây thêm lấn sang phần đất của ông, bà ngang khoảng 1,5m, dài khoảng 13m có diện tích khoảng 19,5m² nên ông báo với Ban N3, xã L, huyện C và được hướng dẫn khởi kiện tại Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành đo đạc theo Bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 17/10/2022 của Văn phòng Đ1 – Chi nhánh C1 thì căn nhà của ông H, bà T1 chỉ lấn sang diện tích đất của ông là 11,3m², nên nay ông bà chỉ yêu cầu ông H, bà T1 tháo dỡ, di dời căn nhà để trả lại lấn chiếm là 11,3m².

Nay ông bà yêu cầu ông H, bà T1 và những người sống trên đất phải tháo dỡ, di dời căn nhà trả lại cho ông bà phần diện tích đất 11,3m² nằm trong giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số 03987/QSĐĐ/cB, cấp ngày 20 tháng 10 năm 2003 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp do ông Lê Văn N và bà Đoàn Thị Bé T đứng tên có tổng diện tích 487,4m², ông bà không đồng ý với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T1 do không có căn cứ, nguồn gốc đất là của cha mẹ phân chia cho các anh em ông.

- *Chị Nguyễn Thị Thanh T3 đại diện cho bà Nguyễn Thị T1 trình bày:*

Bà T1 là dâu sau khi được bà K mẹ chồng cưới cho ông H về sinh sống trong căn nhà này, nguồn gốc nghe lúc bà K còn sống nói lại là đất của ông bà để lại từ trước 1975, nên làm nhà gỗ tạp, mái lợp tôn có diện tích là 82,5m² (ngang 5,5m dài 15m) đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở ổn định từ trước đến nay, chỉ sử dụng ngay nền đất cũ, còn việc ông N, bà Bé T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình bà T1 không hay biết, vì vậy gia đình bà T1 không đồng ý trả lại diện tích đất này (11,3m²) cho ông N, bà Bé T. Đồng thời, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N, bà Bé T để gia đình bà T1, ông H được sử dụng diện tích 11,3m² và phần đất còn lại.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn H, anh Cao Văn N1 vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày:*

Không đồng ý trả lại diện tích đất (11,3m²) cho ông N, bà Bé T. Đồng thời, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N, bà Bé T để gia đình được sử dụng diện tích 11,3m² và phần đất còn lại.

- *Đại diện UBND huyện C vắng mặt, nhưng có ý kiến trình bày:*

Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông N bà Bé T thực hiện đúng thủ tục quy định, còn về yêu cầu hủy giấy tùy Toà án giải quyết, nếu sau này Bản án, quyết định của Toà án có hiệu lực như thế nào UBND huyện thực hiện theo Bản án, Quyết định đó.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2023/DS-ST ngày 17/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã tuyên xử:

- *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về tranh chấp “Đòi lại quyền sử dụng đất”.*

Buộc bà Nguyễn Thị T1, ông Cao Văn H, cháu Cao Văn N1 và cháu Cao Văn Đ phải đập phá, tháo dỡ, di dời và bằng các biện pháp khác các tài sản tại các điểm 8, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31 theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện C1 lập ngày 17/10/2022 để trả lại diện tích đất 11,3m² nằm trong 1 phần thửa 58, tờ bản đồ số 30 có tổng diện tích 487,4m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03987/cB, được UBND huyện C cấp ngày 20/10/2003 do ông Lê Văn N và bà Đoàn Thị Bé T đứng tên, đất tọa lạc tổ B, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

(Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C1 lập ngày 17/10/2022 là một phần của bản án sơ thẩm).

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03987/cB, được UBND huyện C cấp ngày 20/10/2003 do ông Lê Văn N và bà Đoàn Thị Bé T đứng tên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 24/8/2023 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1 là bị đơn, ông Cao Văn H và anh Cao Văn N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị T1 là bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Văn H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Tôi không có di dời nhà lấn vào đất của ông N, chỉ nâng nền theo nhà cũ; bà T3 là đại diện cho tôi trước đây trình bày không đúng; mẹ chồng tôi ở trên đất có nộp thuế nhà đất, ông N đi làm giấy gia đình tôi không biết, không có ký giáp ranh. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông N, bà T.

Nguyên đơn ông Lê Văn N trình bày: khi tôi làm thủ tục cấp giấy đến lúc kiểm tra thì ranh giới không có phần nhà của bà T1, không có liên quan phần ranh giới nhà, giáp ranh là đất của bà E do anh H1 ký giáp ranh. Từ khi làm lộ thì bà T1 di dời nhà lùi vào phần đất của tôi, do không biết nên yêu cầu khởi kiện buộc di dời, không đồng ý nhận giá trị đất. Theo tôi biết rõ phần đất bà K, bà T1 chỉ ở nhờ, ở tạm trên đất của bà E, trước đó là đất của bà 3 Tiệm không có quyền sử dụng đất, đề nghị bác kháng cáo giữ y án sơ thẩm.

Luật sư Trần Tiến V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông N và bà Bé T bởi việc hồ sơ cấp giấy chứng nhận của ông N không có chữ ký giáp ranh của hộ bà T1; người làm chứng là ông Nguyễn Hữu C biết rõ bà T1 khi làm nhà không có lấn vào đất ông N (BL 43); Công văn số 568/UBND ngày 12/9/2022 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện C xác định nhà cụ K không có di dời chỉ nâng nền lên lên khoảng năm 2011 (BL 48).

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nội dung: Diện tích đất tranh chấp nằm hoàn toàn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2006 cho ông N và bà Bé T. Bị đơn không có chứng cứ gì chứng minh có quyền sử dụng đất, với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định bị đơn di dời nhà nhiều lần lấn chiếm đất của nguyên đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn tháo dỡ nhà trả lại đất là có căn cứ, đề nghị bác kháng cáo giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự vắng mặt và xin vắng mặt đã được tổng đạt hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1 là bị đơn và ông Cao Văn H, anh Cao Văn N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Phần đất tranh chấp: Các đương sự thống nhất xác định phần diện tích tranh chấp có diện tích 11,3m² (được giới hạn bởi các mốc 8, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31) thuộc một phần thửa 58 tờ bản đồ số 30 của ông Lê Văn N và bà Đoàn Thị Bé T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03987/QSDD/cB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 20/10/2003. Bà T1 và ông H trình bày nguồn gốc đất của ông bà ông H để lại từ trước 1975, làm nhà gỗ tạp, mái lợp tôn có diện tích 82,5m² (ngang 5,5m dài 15m) đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở ổn định, chỉ sử dụng ngay nền đất cũ, còn việc ông N bà Bé T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình bà T1 không hay biết, vì vậy gia đình bà T1 không đồng ý trả lại diện tích đất 11,3m² cho ông N, bà Bé T.

[2.2] Xét thấy phần đất 82,5m² và căn nhà gỗ tạp hiện do ông H và bà T1 quản lý sử dụng có một phần diện tích 11,3m² nằm trong thửa 58 tờ bản đồ số 30 của ông Lê Văn N và bà Đoàn Thị Bé T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03987/QSDD/cB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 20/10/2003, phần diện tích đất của bà T1 và ông H cho rằng của mình nhưng không thực hiện đăng ký, kê khai để cấp quyền sử dụng đất theo luật định, không có cơ sở xác định ranh giới sử dụng đất. Căn cứ lời khai của bà Nguyễn Thị E1 tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2023 (BL 136) và lời khai của anh Cao Minh H2 (con của bà E) thì phần đất hiện do bà T1, ông H đang sử dụng là của gia đình bà E đã sang nhượng trước đây và chỉ cho bà K ở nhờ và xác định phần đất 11,3m² ông N, bà Bé T khởi kiện đòi lại không có liên quan, do quá trình di dời nhà bà T1 lấn chiếm không thuộc phạm vi đất của bà E, trong hồ sơ cấp giấy cho ông N, anh H2 ký giáp ranh là đúng ranh giới, các bên không tranh chấp quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa sơ thẩm chị T3 đại diện theo ủy quyền của bà T1 cũng thừa nhận nhà bà T1 dời nhà có đẩy vào 3 lần và có lấn sang phần đất của ông N, bà Bé T do đó có cơ sở xác định việc lấn chiếm đất của bà T1 đối với phần đất của ông N và bà Bé T, việc Ủy ban nhân dân xã L tại công văn số 568/UBND ngày 12/9/2022 ý kiến tranh chấp quyền sử dụng đất xác định nguồn gốc đất và phần “nhà của bà T1 nhà không di dời chỉ nâng nền lên khoản năm 2011” và lời khai của ông Nguyễn Hữu C nhưng không cung cấp tài liệu, cơ sở pháp lý nào để xác nhận, nội dung không phù hợp với lời trình bày của các đương sự nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 487,4m², thửa số 58, tờ bản đồ số 30 được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSD đất số 03987/cB, ngày 20/10/2003, do ông N, bà Bé T đứng tên từ việc phân chia trong gia đình, khi đó đặc thực hiện công khai, ký tứ cận đều được các hộ sử dụng xung quanh ký xác nhận trên phần đất của gia đình bà E (trong đó anh Cao Minh H2 ký giáp ranh phần có nhà bà T1), như vậy phần đất này đã cấp đúng đối tượng và đúng vị trí, đúng trình tự thủ tục phù hợp với ý kiến của UBND huyện C. Bà T1 yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N, bà Bé T không có căn cứ xem xét chấp nhận.

[2.4] Với các chứng cứ nêu trên có cơ sở xác định bà T1 đã nhiều lần di dời nhà lấn chiếm phần đất có diện tích 11,3m² thuộc thửa 58 tờ bản đồ số 30 của ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Bé T4 trong lúc gia đình ông N đi làm ăn xa không có ở nhà, không hay biết để phản đối, ngăn chặn kịp thời nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N và bà Bé T4 buộc bà T1, ông H, anh N1, anh Đ tháo dỡ một phần nhà, trả lại phần đất này là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà T1, ông H và anh N1 kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào khác làm thay đổi nội dung vụ án, quan điểm của Luật sư bảo vệ phía bị đơn không phù hợp với nhận định trên nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị y án sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308, Điều 148, 157, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1 là bị đơn và ông Cao Văn H, anh Cao Văn N1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2023/DS-ST ngày 17/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Cụ thể tuyên:

Áp dụng: Điều 34, khoản 9 Điều 26; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 157; khoản 6 Điều 165; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 163, 166, 170 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 98, 105, 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 26, Điều 27 và Điều 48

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn N, Đoàn Thị Bé T đối với bị đơn Nguyễn Thị T1 về tranh chấp “Đòi lại quyền sử dụng đất”.

Buộc bà Nguyễn Thị T1, ông Cao Văn H, cháu Cao Văn N1 và cháu Cao Văn Đ phải đập phá, tháo dỡ, di dời và bằng các biện pháp khác các tài sản tại các điểm 8, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31 theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện C1 lập ngày 17/10/2022 để trả lại diện tích đất 11,3m² nằm trong 1 phần thửa 58, tờ bản đồ số 30 có tổng diện tích 487,4m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03987/cB, được UBND huyện C cấp ngày 20/10/2003 do ông Lê Văn N và bà Đoàn Thị Bé T đứng tên, đất tọa lạc tổ B, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

(Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện C1 lập ngày 17/10/2022).

1.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03987/cB, được UBND huyện C cấp ngày 20/10/2003 do ông Lê Văn N và bà Đoàn Thị Bé T đứng tên.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T1, ông Cao Văn H, cháu Cao Văn N1 phải chịu mỗi người: 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 0000389, 0000390, 0000391 ngày 05/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang là đủ.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Dương sự;
- Lưu HSVA, VTLT (20b-TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Minh